TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2022
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm Sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M;

Địa chỉ: Số 01, ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số 65, ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Thành C;

Địa chỉ: Số 01, ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C vào năm 1995 có tổ chức lễ cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của chị M, anh C là tự nguyện, không bị ai bắt buộc. Thời gian đầu vợ chồng chị M, anh Cchung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì vợ

chồng chị M, anh Cbắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do chị M, anh Cbất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng chị M, anh Ckhông tìm được tiếng nói chung, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Đồng thời, chị M phát hiện anh Ccó nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác. Từ đó, anh Ckhông còn quan tâm, chăm sóc gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn chị M, anh Cđã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị M và anh C có 01 (một) con chung là Ngô Hoàng T, sinh ngày 19-4-1998. Hiện nay đã trưởng thành và có công việc ổn định nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị M tự khai, không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 27 tháng 5 năm 2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Ngô Thành C trình bày:

Anh Ngô Thành C thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M về thời gian chung sống vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn do anh Chiêu, chị M bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Việc chị M cho rằng anh có quen biết và nhắn tin với người phụ nữ khác bên ngoài thì đó chỉ là quan hệ bạn bè nhắn tin qua lại. Nay trước yêu cầu của chị M yêu cầu Tòa án không công nhận anh C và chị M là vợ chồng thì anh Ckhông đồng ý vì hiện nay anh còn thương chị M, mong vợ chồng hàn gắn về chung sống với nhau.

Về con chung: Anh C tự khai trong thời gian chung sống với chị M có 01 (một) người con chung tên Ngô Hoàng T (nam, sinh ngày 19-4-1998). Hiện nay cháu Thịnh đã trưởng thành, có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C thống nhất lời trình bày của chị M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị M cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Chị Lê Thị M nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị M và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Chị Lê Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Lê Thị M và bị đơn Anh Ngô Thành C cư trú tại Số 01, ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo chị M trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đồng thời chị M phát hiện anh Cco nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác không chăm lo cho vợ con. Chị M và anh Cđã sống ly thân cuối năm 2019 đến nay, khi chị M, anh Csống ly thân thì anh Ckhông quan tâm, chăm sóc gia đình. Nay Chị Lê Thị M yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C là vợ chồng.

Xét thấy, Chị Lê Thị M, Anh Ngô Thành C sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1995 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của*

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Nên việc Chị Lê Thị M yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị M và anh Clà vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn Chị Lê Thị M và bị đơn Anh Ngô Thành C tự khai có 01 (một) con chung là Ngô Hoàng Thịnh (nam, sinh ngày 19-4-1998). Hiện nay đã trưởng thành và có công việc ổn định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Chị Lê Thị M và bị đơn Anh Ngô Thành C tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C tự khai, có 01 (một) con chung là Ngô Hoàng T (nam, sinh ngày 19-4-1998). Hiện nay đã trưởng thành và có công việc ổn định, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị M và Anh Ngô Thành C tự

khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0003678, ngày 06 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn Chị Lê Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng